

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ KẾ TOÁN 09 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ KẾ TOÁN 09 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	2
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	6
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	8

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

### **THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh**

Số 4103002690 ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 8 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Văn	Thành viên
Bà Lương Thị Anh Đào	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên
Ông Shinichiro Ota	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Ly	Thành viên
Bà Bùi Thu Hằng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Năm	Phó Tổng Giám đốc Kỹ Thuật
Ông Đào Ngọc Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**Trụ sở chính**

321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CP PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu số B 01- DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.524.610.387.553</b>	<b>1.250.694.693.732</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	107.685.638.415	107.606.270.185
Tiền	111		77.685.638.415	77.606.270.185
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		499.113.760.227	466.823.472.222
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4	499.113.760.227	466.823.472.222
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		203.243.935.407	93.933.186.979
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	165.857.205.111	63.588.506.863
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.866.965.632	15.079.526.116
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	22.467.247.098	17.492.150.986
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	7	(2.039.389.045)	(2.319.479.698)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		91.906.611	92.482.712
Hàng tồn kho	140	8	676.792.188.373	562.436.767.688
Hàng tồn kho	141		705.734.214.012	603.546.529.190
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(28.942.025.639)	(41.109.761.502)
Tài sản ngắn hạn khác	150		37.774.865.131	19.894.996.658
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		810.531.048	2.611.790.874
Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.964.334.083	17.283.205.784
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>476.843.420.520</b>	<b>426.511.622.072</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.916.051.920</b>	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.457.837.072	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		1.135.424.171	-
Phải thu dài hạn khác	216		3.652.569.773	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	7	(329.779.096)	-
Tài sản cố định	220		279.061.788.290	303.765.087.397
Tài sản cố định hữu hình	221	9(a)	252.133.637.065	275.205.478.099
- Nguyên giá	222		795.051.505.853	770.303.454.937
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(542.917.868.788)	(495.097.976.838)
Tài sản cố định vô hình	227	9(b)	26.928.151.225	28.559.609.298
- Nguyên giá	228		57.567.728.716	57.567.728.716
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(30.639.577.491)	(29.008.119.418)
Tài sản dở dang dài hạn	240		115.237.036.316	44.698.941.601
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	115.237.036.316	44.698.941.601
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư góp vốn công ty liên doanh, liên kết	252	11	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		44.128.543.994	45.547.593.074
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	7.031.723.530	4.889.485.538
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	8.858.808.823	8.974.665.976
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	28.238.011.641	31.233.941.560
Tài sản dài hạn khác	268		-	449.500.000
<b>(270 = 100 + 200) TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.001.453.808.073</b>	<b>1.677.206.315.804</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu số B 01- DN  
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.384.739.399.617</b>	<b>1.046.821.571.157</b>
Nợ ngắn hạn	310		1.382.879.485.562	1.046.001.571.157
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	174.987.565.292	86.499.511.869
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.293.987.834	64.668.886.442
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	8.190.672.053	20.616.725.855
Phải trả người lao động	314		123.057.536.618	124.982.959.077
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	86.001.398.281	55.585.690.917
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	88.165.458.003	78.597.166.923
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	854.357.275.784	588.632.147.774
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	18.244.888.241	7.837.855.717
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	20.580.703.456	18.580.626.583
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.859.914.055</b>	<b>820.000.000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		965.965.938	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		73.948.117	-
Phải trả dài hạn khác	337		820.000.000	820.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>616.714.408.456</b>	<b>630.384.744.647</b>
Vốn chủ sở hữu	410	21,22	616.714.408.456	630.384.744.647
Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	28.904.620.489	18.772.599.847
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	121.508.018.743	145.310.375.576
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38.425.449.474	23.710.488.341
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		83.082.569.269	121.599.887.235
<b>(440=300+400) TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.001.453.808.073</b>	<b>1.677.206.315.804</b>

Đỗ Văn Hương  
Người lập

Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn  
Tổng Giám Đốc  
Ngày 18 tháng 10 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
CHO GIAI ĐOẠN 09 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2017**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	QUÝ 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			01/07/2017 đến 30/09/2017	01/07/2016 đến 30/09/2016	01/01/2017 đến 30/09/2017	01/01/2016 đến 30/09/2016
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	720.355.929.370	638.472.392.840	2.261.346.003.078	1.960.622.223.308
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		31.016.087.421	86.306.912.616	185.152.725.930	273.041.705.739
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		689.339.841.949	552.165.480.224	2.076.193.277.148	1.687.580.517.569
4. Giá vốn hàng bán	11	27	595.485.374.948	496.076.048.221	1.812.511.701.252	1.449.947.818.336
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		93.854.467.001	56.089.432.003	263.681.575.896	237.632.699.233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	12.133.621.715	7.750.364.280	38.121.236.249	18.620.096.826
7. Chi phí tài chính	22	29	9.462.158.211	3.719.417.235	27.655.090.110	11.985.568.642
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.973.737.493	3.445.437.441	16.363.583.813	9.980.683.619
8. Chi phí bán hàng	25		55.288.917.468	15.374.995.413	133.500.304.780	99.359.752.441
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11.552.099.698	5.738.187.811	33.518.376.124	40.542.196.933
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		29.684.913.339	39.007.195.824	107.129.041.131	104.365.278.043
11. Thu nhập khác	31		716.609.181	415.691.465	25.513.181.189	1.214.392.956
12. Chi phí khác	32		1.652.813	(367.380.601)	890.695.555	163.929.896
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		714.956.368	783.072.066	24.622.485.634	1.050.463.060
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		30.399.869.707	39.790.267.890	131.751.526.765	105.415.741.103
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	6.539.377.110	6.318.400.645	30.315.463.187	21.379.159.987
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(447.591.754)	1.569.037.378	115.857.153	2.086.701.921
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		24.308.084.351	31.902.829.867	101.320.206.425	81.949.879.195
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	481	618	2.006	1.587
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					



Đỗ Văn Hường  
Người lập



Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 10 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		131.751.526.765	105.415.741.103
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		53.106.851.473	43.359.051.514
Các khoản dự phòng	03		(5.202.352.891)	3.006.644.718
Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.136.434.907	36.787.688
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.995.869.402)	(16.203.084.034)
Chi phí lãi vay	06		16.363.583.813	9.980.683.619
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>167.160.174.665</b>	<b>145.595.824.608</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(151.925.122.860)	(54.670.034.935)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(99.191.754.903)	(95.319.179.191)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		52.280.470.132	104.047.896.426
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.823.569.002	(442.193.364)
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.967.299.051)	(9.980.683.619)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(45.996.253.643)	(19.269.375.771)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.105.539.642)	(6.263.535.918)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(76.401.756.300)</b>	<b>63.698.718.236</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(75.797.053.058)	(58.970.471.776)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		341.834.090	65.709.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(339.113.760.227)	(176.543.888.889)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		314.383.888.889	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.800.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.190.624.415	15.410.479.707
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(80.194.465.891)</b>	<b>(220.038.171.867)</b>

	Mã số	Thuyết minh	01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	14.883.277.549
Tiền thu từ đi vay	33		2.187.355.206.654	1.418.186.605.104
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.923.746.496.776)	(1.260.757.321.562)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(106.884.926.100)	(63.511.487.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>156.723.783.778</b>	<b>108.801.073.191</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>127.561.587</b>	<b>(47.538.380.440)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		107.606.270.185	132.718.096.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(48.193.357)	(36.787.688)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>107.685.638.415</b>	<b>85.142.928.751</b>



Đỗ Văn Hương  
Người lập



Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn  
Tổng Giám Đốc  
Ngày 18 tháng 10 năm 2017



## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2017**

#### **1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 09 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 08 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, Công ty có 1.151 nhân viên (31/12/2016: 1.136 nhân viên).

#### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

##### **2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

##### **2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng**

Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016. Thông tư 53 được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tuy nhiên, các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng các sửa đổi liên quan đến tỷ giá hối đoái cho các báo cáo tài chính năm 2015.

Theo Thông tư 200 các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng (tiếp theo)**

của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Theo Thông tư 53, tỷ giá giao dịch thực tế có thể là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày hoặc hàng tuần hoặc hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Đồng thời, theo Thông tư 53, trường hợp Công ty sử dụng tỷ giá xấp xỉ để hạch toán các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ như trên, cuối kỳ kế toán Công ty phải sử dụng tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Tỷ giá chuyển khoản này có thể là tỷ giá mua hoặc bán hoặc tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

#### **2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017.

#### **2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

#### **2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.6 Khoản phải thu khách hàng (tiếp theo)**

đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

#### **2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

#### **2.8 Đầu tư**

##### **(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

##### **(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

#### **2.9 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao và hao mòn*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 - 5 năm
Khác	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

##### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### *Xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

#### 2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### 2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

#### **2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

#### **2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

#### **2.17 Phân chia lợi nhuận thuần**

##### **(a) Cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

##### **(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

##### **(c) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

#### **2.18 Ghi nhận doanh thu**

##### **(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

##### **(b) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện. Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi được hưởng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

#### **2.20 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

#### **2.21 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

#### **2.22 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa chủ yếu bao gồm các chi phí quảng cáo, khuyến mãi, chi phí bảo hành sản phẩm, và chi phí vận chuyển.

#### **2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

#### **2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

#### **2.25 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### **2.26 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.09.2017 VND	31.12.2016 VND
Tiền mặt	891.242.565	1.585.105.490
Tiền gửi ngân hàng	76.794.395.850	76.021.164.695
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	30.000.000.000
	<u>107.685.638.415</u>	<u>107.606.270.185</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng.

### 4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 6,8% đến 9,75% (2016: 5,30% đến 9,75%).

### 5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.09.2017 VND	31.12.2016 VND
Ông Chea Se	10.800.976.065	24.386.255.880
Công ty TNHH Honda Việt Nam	1.186.999.554	5.843.674.317
Công ty Faith Chemical Enterprises	9.294.388.630	6.684.209.766
Công ty TNHH MTV SX & LR Ô tô tải Chu Lai	4.039.876.220	1.428.072.773
Công ty TNHH Nghệ An Thành Thảo	7.289.123.160	-
Các khách hàng khác	133.245.841.482	25.246.294.127
	<u>165.857.205.111</u>	<u>63.588.506.863</u>

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 7.139.819.080 đồng và 3.106.277.032 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.

### 6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30.09.2017		31.12.2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	19.368.148.900	-	14.461.154.670	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.046.055.457	-	2.995.609.191	-
Phải thu khác	53.042.741	-	35.387.125	-
	<u>22.467.247.098</u>	<u>-</u>	<u>17.492.150.986</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM****7 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI****30.09.2017**

	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Thời gian quá hạn Ngày</b>
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	114.952.000	-	114.952.000	Trên 3 năm
Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Hợp Lực	737.253	-	737.253	Trên 3 năm
Công ty TNHH Faith Chemicals	3.513.950.920	2.459.765.644	1.054.185.276	6 tháng đến 1 năm
Khác	3.510.178.907	2.310.885.295	1.199.293.612	6 tháng đến trên 3 năm
	<u>7.139.819.080</u>	<u>4.770.650.939</u>	<u>2.369.168.141</u>	

**31.12.2016**

	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Thời gian quá hạn Ngày</b>
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	114.952.000	-	114.952.000	Trên 3 năm
Công ty tư nhân Mỹ Phương	1.361.678.197	-	1.361.678.197	Trên 3 năm
Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Hợp Lực	256.132.002	-	256.132.002	Trên 3 năm
Công ty TNHH Faith Chemicals	1.077.042.814	753.929.970	323.112.844	Từ 6 tháng đến 1 năm
Khác	296.472.019	32.867.364	263.604.655	Trên 3 năm
	<u>3.106.277.032</u>	<u>786.797.334</u>	<u>2.319.479.698</u>	

Ban Giám đốc Công ty tin rằng dự phòng phải thu khó đòi là phù hợp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 8 HÀNG TỒN KHO

	30.09.2017		31.12.2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	257.526.177.924	-	252.468.088.388	-
Thành phẩm	125.222.118.510	(3.793.530.437)	211.169.804.367	(3.969.951.040)
Chi phí SXKD dở dang	162.219.719.816	(2.747.242.762)	127.101.539.802	(1.882.549.634)
Hàng đang đi trên đường	154.128.116.674	-	8.501.058.245	-
Công cụ, dụng cụ	6.608.179.704	-	4.306.038.388	(4.262.205.638)
Hàng hóa	29.901.384	-	-	-
	<u>705.734.214.012</u>	<u>(6.540.773.199)</u>	<u>603.546.529.190</u>	<u>(10.114.706.312)</u>
Công cụ và dụng cụ dài hạn	<u>28.238.011.641</u>	<u>(22.401.252.440)</u>	<u>31.233.941.560</u>	<u>(30.995.055.190)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	30.09.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu năm	41.109.761.502	15.496.369.852
Tăng dự phòng	-	25.613.391.650
Hoàn nhập dự phòng	(12.167.735.863)	-
Số dư cuối năm	<u>28.942.025.639</u>	<u>41.109.761.502</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm giá trị giảm giá của thành phẩm và chậm luân chuyển của công cụ dụng cụ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b><u>Nguyên giá</u></b>						
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>135.539.329.927</b>	<b>596.407.565.978</b>	<b>27.232.288.336</b>	<b>9.003.478.396</b>	<b>2.120.792.300</b>	<b>770.303.454.937</b>
Mua trong kỳ	-	578.760.000	-	-	-	578.760.000
XDCB mới hoàn thành	2.525.481.820	21.414.502.377	3.446.908.169	437.900.000	-	27.824.792.366
Thanh lý	(1.829.327.000)	(324.396.522)	(1.274.107.149)	(227.670.779)	-	(3.655.501.450)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>136.235.484.747</b>	<b>618.076.431.833</b>	<b>29.405.089.356</b>	<b>9.213.707.617</b>	<b>2.120.792.300</b>	<b>795.051.505.853</b>
<b><u>Giá trị hao mòn lũy kế</u></b>						
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>69.407.622.344</b>	<b>399.221.352.172</b>	<b>16.484.203.321</b>	<b>8.766.965.833</b>	<b>1.217.833.168</b>	<b>495.097.976.838</b>
Khấu hao trong kỳ	6.989.093.360	42.029.168.411	2.082.718.507	170.852.916	203.560.206	51.475.393.400
Thanh lý	(1.829.327.000)	(324.396.522)	(1.274.107.149)	(227.670.779)	-	(3.655.501.450)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>74.567.388.704</b>	<b>440.926.124.061</b>	<b>17.292.814.679</b>	<b>8.710.147.970</b>	<b>1.421.393.374</b>	<b>542.917.868.788</b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>						
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>66.131.707.583</b>	<b>197.186.213.806</b>	<b>10.748.085.015</b>	<b>236.512.563</b>	<b>902.959.132</b>	<b>275.205.478.099</b>
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>61.668.096.043</b>	<b>177.150.307.772</b>	<b>12.112.274.677</b>	<b>503.559.647</b>	<b>699.398.926</b>	<b>252.133.637.065</b>

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 207.683 triệu đồng (31/12/2016: 175.731 triệu đồng).



## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

#### (b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017				
và ngày 30 tháng 09 năm 2017	47.293.702.056	5.055.248.004	5.218.778.656	<b>57.567.728.716</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	21.244.740.549	4.660.730.055	3.102.648.814	<b>29.008.119.418</b>
Khấu hao trong kỳ	407.520.658	295.077.809	928.859.606	<b>1.631.458.073</b>
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017	21.652.261.207	4.955.807.864	4.031.508.420	<b>30.639.577.491</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	26.048.961.507	394.517.949	2.116.129.842	<b>28.559.609.298</b>
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017	25.641.440.849	99.440.140	1.187.270.236	26.928.151.225

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 19.663 triệu đồng.

### 10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	30.09.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu năm	44.698.941.601	8.542.154.671
Mua trong năm	98.362.887.081	89.445.393.661
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(27.824.792.366)	(53.288.606.731)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-
Số dư cuối năm	115.237.036.316	44.698.941.601

Các công trình xây dựng dở dang cơ bản lớn như sau:

	30.09.2017 VND	31.12.2016 VND
Máy móc thiết bị	59.832.395.537	7.636.068.548
Khác	55.404.640.779	37.062.873.053
	115.237.036.316	44.698.941.601

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

### 11 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết đầu tư góp vốn vào công ty liên kết tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau:

Đơn vị	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313711629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 3 năm 2016 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 9 tháng 12 năm 2016	26%

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên do công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

### 12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30.09.2017 VND	31.12.2016 VND
Công cụ, dụng cụ	4.299.239.617	3.782.971.362
Khác	2.732.483.913	1.106.514.176
	<u>7.031.723.530</u>	<u>4.889.485.538</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	30.09.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ	4.889.485.538	2.407.932.898
Tăng trong kỳ	4.680.198.343	5.816.772.651
Phân bổ trong kỳ	(2.537.960.351)	(3.335.220.011)
Số dư cuối kỳ	<u>7.031.723.530</u>	<u>4.889.485.538</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

### 13 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	<b>30.09.2017</b>	<b>31.12.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	8.974.665.976	9.005.082.120
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(115.857.153)	(30.416.144)
Số dư cuối kỳ	<u>8.858.808.823</u>	<u>8.974.665.976</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	<b>30.09.2017</b>	<b>31.12.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí phải trả	1.383.263.768	355.642.667
Dự phòng bảo hành và trợ cấp thôi việc	1.694.389.430	1.567.571.143
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.249.503)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, công cụ dụng cụ	5.788.405.128	7.051.452.166
	<u>8.858.808.823</u>	<u>8.974.665.976</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm 2017 và 2016 là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2017		31.12.2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam</i>	19.069.745.137	19.069.745.137	23.559.498.820	23.559.498.820
<i>Thai United Plastic Industry Ltd.</i>	5.098.548.091	5.098.548.091	6.569.125.566	6.569.125.566
<i>Thai United Industry Company Ltd.</i>	21.559.637.900	21.559.637.900	6.562.309.168	6.562.309.168
<i>CN tại TPHCM - Công Ty CP Nhựa Tân Phú</i>	6.100.932.402	6.100.932.402	7.334.361.505	7.334.361.505
<i>TRAFIGURA PTE LTD</i>	33.521.168.408	33.521.168.408	-	-
<i>GLENCORE SINGAPORE PTE.LTD.</i>	33.858.136.098	33.858.136.098	-	-
<i>Khác</i>	54.001.080.757	54.001.080.757	41.107.192.140	41.107.192.140
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 34(b))</i>	1.778.316.499	1.778.316.499	1.367.024.670	1.367.024.670
	<u>174.987.565.292</u>	<u>174.987.565.292</u>	<u>86.499.511.869</u>	<u>86.499.511.869</u>

### 15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01.01.2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30.09.2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế TNDN	21.974.092.737	30.315.463.187	45.996.253.643	6.293.302.281
Thuế thu nhập cá nhân	505.370.374	8.203.160.868	8.544.447.979	164.083.263
Thuế GTGT	-	11.757.725.834	8.931.531.292	2.826.194.542
Tiền thuế đất và thuế khác	(1.862.737.256)	5.670.049.535	4.900.220.312	(1.092.908.033)
	<u>20.616.725.855</u>	<u>55.946.399.424</u>	<u>68.372.453.226</u>	<u>8.190.672.053</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM****16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>30.09.2017</b>	<b>31.12.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu, chi phí bán hàng phải trả cho nhà phân phối	79.133.272.797	54.024.004.571
Chi phí vận chuyển	2.983.719.001	395.154.000
Chi phí lãi vay	502.856.371	396.195.400
Chi phí phải trả khác	3.381.550.112	770.336.946
	<u>86.001.398.281</u>	<u>55.585.690.917</u>

**17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.09.2017</b>	<b>31.12.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.344.361.839	1.521.813.646
Cổ tức	83.649.072.600	-
Phải trả khác	3.172.023.564	77.075.353.277
	<u>88.165.458.003</u>	<u>78.597.166.923</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**18 VAY NGẮN HẠN**

	Tại ngày 01.01.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.09.2017 VND
Vay ngân hàng (*)	556.132.147.774	2.187.355.206.654	(1.921.630.078.644)	821.857.275.784
Vay khác (**)	32.500.000.000			32.500.000.000
	<u>588.632.147.774</u>	<u>2.187.355.206.654</u>	<u>(1.921.630.078.644)</u>	<u>854.357.275.784</u>

(\*) Đây là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng. Chi tiết cụ thể như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	30.09.2017 VND	01.01.2017 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	USD	-	-	6.490.946.157
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	4,5% - 5,13%	113.106.491.265	63.894.491.317
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	2,10%	14.702.861.904	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	USD	-	-	5.639.338.553
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	4,8% - 5,0 %	234.684.428.022	183.891.865.900
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	6,7%	22.106.700.000	28.300.079.065
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	2,0 %	242.876.645.603	184.113.401.623
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	2,2%	20.244.605.313	83.802.025.159
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN 1 - TP HCM	VND	4,63%	98.770.743.677	-
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	EUR	1,8%	75.364.800.000	-
			<u>821.857.275.784</u>	<u>556.132.147.774</u>

(\*\*) Đây là khoản vay ngắn hạn tín chấp không lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn đầu tư. Thời hạn hoàn trả vay là ngày 02 tháng 05 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM****19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>30.09.2017</b>	<b>31.12.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng chi phí bảo hành	8.471.947.151	7.837.855.717
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	9.772.941.090	-
	<u>18.244.888.241</u>	<u>7.837.855.717</u>

Biến động của khoản dự phòng bảo hành, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng TSCĐ định kỳ như sau:

	<b>30.09.2017</b>	<b>31.12.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	7.837.855.717	7.281.312.372
Dự phòng lập trong kỳ	15.456.507.057	13.410.759.873
Hoàn nhập và sử dụng dự phòng	(5.049.474.533)	(12.854.216.528)
	<u>18.244.888.241</u>	<u>7.837.855.717</u>

**20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>30.09.2017</b>	<b>31.12.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	18.580.626.583	10.624.698.110
Tăng trong kỳ	8.105.616.515	14.823.316.492
Sử dụng quỹ	(6.105.539.642)	(6.867.388.019)
	<u>20.580.703.456</u>	<u>18.580.626.583</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016	309.812.930.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	93.729.583.577	54.691.781.341	<b>506.110.273.016</b>
Tăng vốn cổ phần (*)	154.904.140.000	(61.174.556.423)	-	(93.729.583.577)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	187.725.998.474	<b>187.725.998.474</b>
Cổ tức bằng tiền mặt (**)	-	-	-	-	(63.511.487.900)	<b>(63.511.487.900)</b>
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	464.166.892	14.419.110.657	-	-	<b>14.883.277.549</b>
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	18.772.599.847	(18.772.599.847)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.823.316.492)	<b>(14.823.316.492)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	464.717.070.000	1.584.699.224	-	18.772.599.847	145.310.375.576	<b>630.384.744.647</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	101.320.206.425	<b>101.320.206.425</b>
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	10.132.020.642	(10.132.020.642)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(8.105.616.515)	<b>(8.105.616.515)</b>
Cổ tức bằng tiền mặt (***)	-	-	-	-	(106.884.926.100)	<b>(106.884.926.100)</b>
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017	464.717.070.000	1.584.699.224	-	28.904.620.489	121.508.018.743	<b>616.714.408.456</b>

(\*) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 09 tháng 05 năm 2016, Công ty đã phát hành cổ phiếu (tỷ lệ 2:1) để tăng vốn cổ phần từ các nguồn vốn chủ sở hữu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, theo thứ tự ưu tiên: Quỹ đầu tư phát triển và Thặng dư vốn cổ phần.

(\*\*) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 09 tháng 05 năm 2016 và Nghị quyết số 340/NQ-

HDQT/2016 của Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 08 năm 2016, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 17% trên vốn cổ phần.

(\*\*\*) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2016, đợt 3 năm 2016 và tạm ứng đợt 1 năm 2017.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 22 VỐN CỔ PHẦN

#### (a) Số lượng cổ phiếu

	30.09.2017		31.12.2016	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	46.471.707	-	46.471.707	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.471.707	-	46.471.707	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.471.707	-	46.471.707	-

#### (b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.09.2017		31.12.2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn của nhà nước	23.898.273	51,43	23.898.273	51,43
Phần vốn của các đối tượng khác	22.573.434	48,57	22.573.434	48,57
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.471.707	100,00	46.471.707	100,00

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

#### (c) Tình hình biến động vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	30.981.293	309.812.930.000	<b>309.812.930.000</b>
Cổ phiếu mới phát hành	15.490.414	154.904.140.000	<b>154.904.140.000</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	46.471.707	464.717.070.000	<b>464.717.070.000</b>
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017	46.471.707	464.717.070.000	<b>464.717.070.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM****23 CỐ TỨC**

	<b>30.09.2017</b>	<b>31.12.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	-	-
Cố tức phải trả trong kỳ	106.884.926.100	63.511.487.900
Cố tức chi trả bằng tiền	(23.235.853.500)	(63.511.487.900)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>83.649.072.600</u>	<u>-</u>

**24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	<b>Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.09.2017</b>	<b>30.09.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	101.320.206.425	81.949.879.195
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(8.105.616.515)	(8.194.987.919)
	<hr/>	<hr/>
	<u>93.214.589.910</u>	<u>73.754.891.276</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<hr/> 46.471.707	<hr/> 46.471.707
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<hr/> <u>2.006</u>	<hr/> <u>1.587</u>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30.09.2016 và dự kiến cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30.09.2017 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty do các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### 25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### (a) Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 1.760.900.000 đồng và 2.413.400.000 đồng tương ứng với kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh 34(a)).

#### (b) Ngoại tệ các loại

	30.09.2017		31.12.2016	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
USD	478.699,02	10.861.680.764	858.940	19.575.234.624
EUR	1.806,06	48.124.274	253	6.125.300
		<u>10.909.805.038</u>		<u>19.581.359.924</u>

### 26 DOANH THU BÁN HÀNG

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2017 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2016 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu pin và ắc quy	<u>2.261.346.003.078</u>	<u>1.960.622.223.308</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	<u>185.152.725.930</u>	<u>273.041.705.739</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>		
Doanh thu thuần pin và ắc quy	<u>2.076.193.277.148</u>	<u>1.687.580.517.569</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM****27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2017 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2016 VND</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.800.343.965.389	1.449.760.179.066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.167.735.863)	187.639.270
	<hr/>	<hr/>
	1.812.511.701.252	1.449.947.818.336
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2017 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2016 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	30.659.250.897	16.137.374.943
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.659.353.026	2.482.721.883
Lãi do thoái vốn góp tại Cty Việt Gia Phú	1.800.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	2.632.326	-
	<hr/>	<hr/>
	38.121.236.249	18.620.096.826
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2017 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2016 VND</b>
Chi phí lãi vay	16.363.583.813	9.980.683.619
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.069.920.042	1.968.097.335
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	2.136.435.135	36.787.688
	<hr/>	<hr/>
	27.655.090.110	11.985.568.642
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2017 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2016 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.446.186.336.589	1.171.571.966.573
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	199.809.118.651	198.937.306.892
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.106.851.473	49.831.657.295
Các chi phí khác bằng tiền	206.771.565.867	171.852.206.858
	<u>1.905.873.872.580</u>	<u>1.592.193.137.618</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**

**31 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:**

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2017	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2016	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2017	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2016	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2017	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2016
Doanh thu thuần	1.708.347.140.274	1.393.549.641.709	367.846.136.874	294.030.875.860	2.076.193.277.148	1.687.580.517.569

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Hoạt động sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

### 32 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau.

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2017 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	131.751.526.765	105.415.741.103
Thuế TNDN tính ở thuế suất 20%	26.350.305.353	21.083.148.221
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	224.981.878	111.676.435
Dự phòng thiếu của năm trước	3.856.033.109	(2.086.701.921)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	30.431.320.340	19.108.122.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 13)	115.857.153	2.086.701.921

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

### 33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### (a) Giao dịch với các bên liên quan

i) Mua hàng hóa

	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2017 VND	Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30.09.2016 VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	13.814.213.600	13.536.229.520
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh	1.035.007.884	929.616.105
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	264.913.550	254.392.050
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	1.246.807.100	1.539.578.040
	16.360.942.134	16.259.815.715

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

### ii) Hoạt động tài chính:

Cổ tức trả cho Tập đoàn hóa chất Việt Nam:

	<b>30.09.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	-	-
Phát sinh trong kỳ	54.966.027.900	32.660.973.100
Đã trả trong kỳ	11.949.136.500	32.660.973.100
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	43.016.891.400	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

### (b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	<b>30.09.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	1.625.908.680	1.255.287.550
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh	122.190.819	85.073.120
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	30.217.000	26.664.000
	<hr/>	<hr/>
	1.778.316.499	1.367.024.670
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

## 34 CÁC CAM KẾT

### (a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30.09.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.668.000.000	1.956.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	92.900.000	457.400.000
	<hr/>	<hr/>
	1.760.900.000	2.413.400.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

### (b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	30.09.2017 VND	31.12.2016 VND
Máy móc và thiết bị	10.309.167.177	23.852.521.004
Nhà cửa và vật kiến trúc	7.443.370.591	4.192.881.708
Hệ thống điện	902.093.667	552.303.493
Khác	-	21.320.942.422
	<u>18.654.631.435</u>	<u>49.918.648.627</u>

### 35 GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2017 đạt 24,3 tỷ đồng; giảm 7,6 tỷ đồng (tương đương giảm 23.8%) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân giảm là do giá chì, kẽm tăng cao.

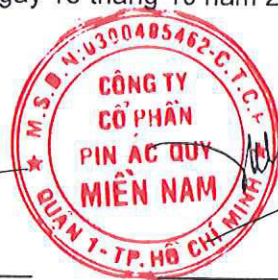
Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 18 tháng 10 năm 2017.



Đỗ Văn Hưởng  
Người lập



Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn  
Tổng Giám đốc